

UBND TỈNH THANH HÓA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
THỦY LỢI BẮC SÔNG MÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~7.7~~ BSM-KT&QLCT
V/v báo cáo tình hình vi phạm phạm vi
bảo vệ công trình thủy lợi năm 2022
trên địa bàn Công ty.

Thanh Hóa, ngày 2 tháng 12 năm 2022

Kính gửi: Giám đốc chi nhánh thủy lợi trực thuộc công ty.

Thực hiện Công văn số 5262/SNN&PTNT-TL ngày 30/11/2022 của Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh Thanh Hóa, về việc báo cáo tình hình vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi năm 2022. Giám đốc công ty yêu cầu các Chi nhánh triển khai một số nội dung sau:

1. Công tác triển khai xử lý vi phạm công trình thủy lợi: Tuyên truyền, phổ biến các quy định về bảo vệ, xử lý vi phạm công trình thủy lợi; thành lập các đoàn kiểm tra, xử lý vi phạm....

2. Lập báo cáo tổng hợp tình hình vi phạm và kết quả xử lý vi phạm (Theo đúng nội dung quy định tại các phụ lục 01, 02, 03, 04, 05, 06).

3. Đánh giá kết quả đạt được trong việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý vi phạm công trình thủy lợi.

4. Những tồn tại, nguyên nhân trong việc xử lý vi phạm công trình thủy lợi.

5. Kiến nghị các giải pháp để phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời, dứt điểm các vụ việc vi phạm

Các chi nhánh tổng hợp báo cáo gửi về Công ty qua phòng Kỹ thuật & QLCT trước ngày 07/12/2022, kèm bản mềm vào địa chỉ ktqlctbsm@gmail.com để tổng hợp báo cáo. (Gửi kèm theo phụ lục số 01, 02, 03, 04, 05, 06).

Yêu cầu Giám đốc các chi nhánh thủy lợi trực thuộc Công ty triển khai thực hiện đảm bảo nội dung và thời gian quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, Giám đốc công ty (b/c);
- Phó Giám đốc công ty;
- Lưu: VT, KT&QLCT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lường Quốc Luận

THÔNG KÊ CÁC VỤ VI PHẠM PHẠM VI BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI (từ 01/01/2018 đến 30/11/2022)

TT	Tên công trình	Tổng số vụ vi phạm	Hình thức vi phạm																	Quản lý vi phạm			Ghi chú
			Gây cản trở dòng chảy của CTTL	Dễ rác thải, chất thải vào CTTL	Xả nước thải vào CTTL	Vận hành CTTL	Bảo vệ an toàn công trình TL						Quy định của giấy phép cho các hộ đồng trong PVBV CTTL	Đã lập BB	BB đã gửi và kiến nghị XL	BB kiến nghị đã được XL							
							Xây dựng, cơi nới, phá dỡ...	Lập bản bãi, khai thác, nổ mìn, điều kiện p/hiện giao thông...	Quản lý ATD hồ chứa TL														
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
	Tổng cộng:																						
I	Trước năm 2018																						
1	Công trình																						
2	Công trình																						
3	Công trình																						
4																							
5																							
II	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2021																						
1	Công trình																						
2	Công trình																						
3	Công trình																						
III	Từ năm 01/01/2022 đến 30/11/2022																						
1	Công trình																						
2	Công trình																						
3	Công trình																						

Ghi chú:

- Cột (5), (6) bao gồm các hành vi: Trồng rau, cấy đang đó, chặt chà và các hình thức đánh bắt khác, ngâm tre, luồng, nứa, lá, gỗ hoặc tạo các vật cản khác.
- Cột (7), (8) bao gồm các hành vi: Đổ rác thải, chất thải vào công trình thủy lợi.
- Cột (9), (10) bao gồm các hành vi: Xả nước thải vào công trình thủy lợi thuộc diện phải xin phép mà không có giấy phép.
- Cột (11), (12) bao gồm các hành vi: Không có QT/VH, thực hiện không đúng QT/VH, không có nhiệm vụ mà tự ý vận hành; Sử dụng máy móc, thiết bị thuộc công trình thủy lợi sai mục đích sử dụng.
- Cột (13), (14) bao gồm các hành vi: Xây dựng nhà ở, công trình phụ, cầu, kè, nơi sản xuất và các công trình kiến trúc khác trái phép; Xây dựng lò gạch, lò vôi, chuồng trại để chăn nuôi gia súc, gia cầm; Làm lều, quán, tường, xây dựng các công trình tạm trái phép; Mở rộng quy mô công trình hiện có, thay đổi kết cấu công trình hiện có; Đào, cuốc, xới, đánh văng cỏ, gieo trồng các loại cây hoa màu trên bờ, mái kènh, mái đập đất; Nuôi trồng thủy sản trái phép; Phá dỡ, xả dịch mồi chí giới, biến báo của công trình; Hoạt động nghiên cứu khoa học, trồng cây lâu năm trái phép; Đào đắp ao, hồ trong phạm vi bảo vệ công trình; Khoan, đào khảo sát địa chất; Khoan, đào thăm dò, thi công công trình khai thác nước dưới đất; Khoan, đào thăm dò, khai thác khoáng sản; Tổ chức các hoạt động du lịch, thể thao trái phép, khai thác nước trái phép; Tự ý dỡ bỏ hoặc lắp công trình thủy lợi.
- Cột (15), (16) bao gồm các hành vi: Khai thác dầu, đá, cát, sỏi và các vật liệu xây dựng trái phép; Lắp bãi bãi, tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện trái phép; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; Điều khiển xe cơ giới vượt tải trọng cho phép đi trên công trình thủy lợi; Sử dụng xe cơ giới, phương tiện thủy nội địa lưu thông trong công trình thủy lợi khi có biển cấm.
- Cột (17), (18) bao gồm các hành vi: Không gửi báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa thủy lợi theo nội dung và thời gian quy định; Không thực hiện kiểm tra đập, hồ chứa thủy lợi theo nội dung và chế độ quy định; Không có hoặc không tổ chức thực hiện phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công; Không thực hiện kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi theo quy định; Không thực hiện cấm mồi chí giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi; Không có hoặc không thực hiện phương án bảo vệ đã được phê duyệt; Không có hoặc không rà soát, điều chỉnh, bổ sung hằng năm hoặc không thực hiện phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đã được phê duyệt.
- Cột (19), (20) bao gồm các hành vi: Hoạt động sai nội dung quy định trong mỗi loại giấy phép quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 65/2019/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ.
- Cột (21) Số vụ vi phạm đã được lập biên bản (đối với các vụ tai phạm nhiều lần, lập nhiều biên bản, khi thống kê chỉ liệt kê là 01 lần lập).
- Cột (22) Số vụ vi phạm lập biên bản và đã gửi cáo đơn vị có thẩm quyền kiến nghị xử lý theo quy định.
- Cột (23) Số vụ vi phạm đã được các cấp có thẩm quyền xử lý sau khi nhận được biên bản kiến nghị xử lý của đơn vị trực tiếp quản lý khai thác CT.

Phụ lục II

THỐNG KÊ CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG XẢ NƯỚC THẢI VÀO CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

TT	Tên tổ chức/cá nhân xả nước thải	Địa chỉ	Vị trí điểm xả	Loại nước thải	Lưu lượng xả (m ³ /ngày đêm)	Chế độ xả	Thuộc diện phải cấp phép (có/không)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Tổng cộng:						
I	Trước năm 2018						
1	Công trình						
2	Công trình						
3	Công trình						
							
II	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2021						
1	Công trình						
2	Công trình						
3	Công trình						
							
III	Từ năm 01/01/2022 đến 30/11/2022						
1	Công trình						
2	Công trình						
3	Công trình						
							

Ghi chú:

- Cột (2)(3) Tên , địa chỉ tổ chức/cá nhân xả nước thải vào công trình thủy lợi
- Cột (4) Vị trí xả nước thải vào kênh, thôn..., xã..., huyện
- Cột (5) Ngành, nghề sản xuất kinh doanh phát sinh nước thải
- Cột (6) Lưu lượng xả, nếu không có số liệu đo thì ước lượng
- Cột (7) Chế độ xả liên tục hay không liên tục
- Cột (8) theo quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 44 Luật Thủy lợi

Phụ lục III
TỔNG HỢP GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐÃ ĐƯỢC CẤP

TT	Tên tổ chức/cá nhân xả nước thải	Địa chỉ	Vị trí điểm xả	Số hiệu GP/QĐ	Thời hạn sử dụng (từ ngày ... đến ngày ...)	Loại nước thải	Cấp theo cột A/B của TCVN/QCVN ...	Lưu lượng xả (m ³ /ngày đ)	Chế độ xả	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1										
2										
3										

Ghi chú:

- Cột (2) (3) Tên, địa chỉ Tổ chức/Cá nhân theo đăng ký kinh doanh
- Cột (4) Vị trí xả nước thải vào kênh ..., thôn..., xã..., huyện ...
- Cột (5) số hiệu giấy phép/Quyết định
- Cột (6) từ ngày/tháng/năm đến ngày tháng/năm
- Cột (7) Loại nước thải công nghiệp, y tế, sinh hoạt ...
- Cột (8) Loại Tiêu chuẩn, Quy chuẩn (TCVN/QCVN Cột A hay B ...)
- Cột (9) Lưu lượng xả theo giấy phép
- Cột (10) Chế độ xả liên tục hay không liên tục

Phụ lục IV
TỔNG HỢP GIẤY PHÉP CHO CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG PHẠM VI BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐÃ ĐƯỢC CẤP

TT	Tên tổ chức/cá nhân xã nước thải	Địa chỉ	Tên hoạt động	Vị trí	Số hiệu GP/QĐ	Thời hạn sử dụng (từ ngày ... đến ngày ...)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I.	Công trình TL ...						
1							
2							
3							
II.	Công trình thủy lợi						
1							
2							
3							

- Ghi chú:
- Cột (2) (3) Tên, địa chỉ Tổ chức/Cá nhân theo đăng ký kinh doanh
 - Cột (4) Tên hoạt động được cấp phép (các hoạt động quy định tại Điều 44 Luật Thủy lợi)
 - Cột (6) Số hiệu giấy phép/Quyết định
 - Cột (7) Từ ngày/tháng/năm đến ngày tháng/năm

Phụ lục V
KẾT QUẢ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THỦY LỢI

TT	Tên tổ chức/cá nhân bị xử phạt VPHC	Địa chỉ	Số hiệu QĐ xử phạt VPHC	Hành vi vi phạm	Xử phạt chính		Xử phạt bổ sung		Ghi chú
					Cảnh cáo	Số tiền phạt (đồng)	Tịch thu tang vật, phương tiện	Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1									
2									
3									

Ghi chú:

- Cột (2) (3) Tên, địa chỉ Tổ chức/Cá nhân theo đăng ký kinh doanh
- Cột (4) Số hiệu QĐ xử phạt VPHC; ngày/tháng/năm ban hành QĐ
- Cột (5) Ghi hành vi vi phạm bị xử phạt theo quy định tại Nghị định 03/2022/NĐ-CP
- Cột (6) Nếu là phạt cảnh cáo đánh dấu (X)
- Cột (7) Số tiền phạt theo QĐ xử phạt đã ban hành
- Cột (8) Ghi rõ số lượng, tên tang vật, phương tiện bị tịch thu
- Cột (9) Số hiệu GP bị tước quyền sử dụng; thời hạn tước quyền (từ ngày/tháng/năm đến ngày/tháng/năm)
- Cột (10): Ghi kết quả thực hiện Quyết định xử phạt.

Phụ lục VI

THỐNG KÊ CÁC DỰ ÁN ĐANG THI CÔNG HOẶC ĐÃ ĐƯỢC THỎA THUẬN THIẾT KẾ TRONG PHẠM VI BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

TT	Tên Dự án, công trình	Tên chủ đầu tư	Tên hoạt động	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A	ĐANG THI CÔNG					
I	Dự án...					
1	Công trình (hồ chứa nước, cống, kênh...)					
2						
3						
II	Dự án...					
1	Công trình (hồ chứa nước, cống, kênh...)					
2						
3						
B	ĐÃ THỎA THUẬN THIẾT KẾ (CHƯA THI CÔNG)					
I	Dự án...					
1	Công trình (hồ chứa nước, cống, kênh...)					
2						
3						

Ghi chú:

- Cột (4) Tên hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng đường giao thông, khu dân cư...
- Cột (6) Từ ngày/tháng/năm đến ngày tháng/tháng/năm